

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG****Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán	02 - 04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	05 - 05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	06 - 06
Thuyết minh Báo cáo tài chính	07 - 22


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2010	01.01.2010
	TÀI SẢN			
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,077,810,171,844	1,200,587,656,709
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		386,827,587,950	473,656,709,359
111	1. Tiền	V.01	386,827,587,950	468,466,089,265
112	2. Các khoản tương đương tiền		0	5,190,620,094
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	210,000,000	210,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.03	316,210,116,000	238,047,676,362
131	1. Phải thu của khách hàng		251,296,539,137	166,820,949,698
132	2. Trả trước cho người bán		52,054,079,940	67,483,194,512
135	5. Các khoản phải thu khác		16,207,916,721	7,091,951,950
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		-3,348,419,798	-3,348,419,798
140	IV. Hàng tồn kho		341,270,199,448	458,934,533,095
141	1. Hàng tồn kho	V.04	346,531,719,998	464,196,053,645
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-5,261,520,550	-5,261,520,550
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	33,292,268,446	29,738,737,893
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		659,731,929	580,105,765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30,473,584,786	25,978,049,034
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		0	1,642,760,366
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		2,158,951,731	1,537,822,728
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,550,144,299,021	1,467,031,527,577
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		450,606,716,413	408,079,558,387
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	96,666,446,714	101,082,683,864
222	- Nguyên giá		352,554,649,317	352,489,999,317
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-255,888,202,603	-251,407,315,453
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.06	11,923,062,400	12,063,706,891
228	- Nguyên giá		14,416,740,178	14,416,740,178
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-2,493,677,778	-2,353,033,287
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	342,017,207,299	294,933,167,632
240	III. Bất động sản đầu tư	V.09	10,098,457,819	10,098,457,819
241	- Nguyên giá		11,211,821,819	11,211,821,819
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-1,113,364,000	-1,113,364,000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.10	972,468,377,925	932,716,215,148



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG**Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2010	01.01.2010
251	1. Đầu tư vào công ty con		0	0
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		460,664,460,012	424,921,101,148
258	3. Đầu tư dài hạn khác		543,390,477,913	549,294,197,979
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-31,586,560,000	-41,499,083,979
260	V. Tài sản dài hạn khác	V.11	116,970,746,864	116,137,296,223
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6,880,746,864	6,047,296,223
268	3. Tài sản dài hạn khác		110,090,000,000	110,090,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,627,954,470,865	2,667,619,184,286



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG **Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.03.2010	01.01.2010
	NGUỒN VỐN			
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		128,153,545,460	194,367,693,995
310	I. Nợ ngắn hạn		127,877,085,497	194,091,234,032
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	0	0
312	2. Phải trả cho người bán	V.13	26,949,718,590	100,923,309,799
313	3. Người mua trả tiền trước	V.13	11,817,584,413	3,002,121,500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	41,834,417,975	30,829,783,834
315	5. Phải trả công nhân viên		5,077,094,100	13,621,400,918
316	6. Chi phí phải trả		412,936,567	605,269,930
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.16	35,086,358,411	33,250,110,017
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6,698,975,441	11,859,238,034
320	II. Nợ dài hạn		276,459,963	276,459,963
326	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		276,459,963	276,459,963
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,488,224,437,781	2,461,868,031,905
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	2,488,224,437,781	2,461,868,031,905
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		654,000,000,000	654,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1,571,606,720,534	1,571,606,720,534
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-34,537,216,591	-34,537,216,591
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		89,536,078,549	89,536,078,549
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		43,103,048,038	43,103,048,038
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		12,886,610,204	12,886,610,204
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		151,629,197,047	125,272,791,171
430	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		0	0
500	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		11,576,487,624	11,383,458,386
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,627,954,470,865	2,667,619,184,286

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 01 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2010	Quý 01 Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	225,443,681,729	28,842,449,499
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.19	30,432,625	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	225,413,249,104	28,842,449,499
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.21	181,699,794,370	29,531,195,270
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43,713,454,734	-688,745,771
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	11,550,364,300	23,315,066,632
22	7. Chi phí tài chính	VI.23	(3,820,537,452)	5,961,905,601
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		6,758,332,486	1,907,783,109
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7,076,532,793	2,453,725,136
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45,249,491,207	12,302,907,015
31	11. Thu nhập khác		5,000,000	1,160,209,760
32	12. Chi phí khác		-	474,821,666
40	13. Lợi nhuận khác		5,000,000	685,388,094
	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết		(11,852,102,465)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		33,402,388,742	12,988,295,109
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.24	6,789,175,868	-
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26,613,212,874	12,988,295,109
	- Lợi ích cổ đông thiểu số		193,029,238	(116,670,109)
	- Lợi nhuận công ty mẹ		26,420,183,636	13,104,965,218
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		415	205

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2010

Người Lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 01 Năm 2010
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2010	Quý 01 Năm 2009
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1.Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		169,644,098,474	75,564,812,824
02	2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		-130,255,025,569	-63,116,413,543
03	3.Tiền chi trả cho người lao động		-18,005,382,624	-5,864,738,230
04	4.Tiền chi trả lãi vay		-	0
05	5.Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		-	0
06	6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		101,945,528,543	238,231,477,735
07	7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-159,241,190,922	-243,210,811,886
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD		(35,911,972,098)	1,604,326,900
	II.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
21	1.Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản D/hạn khác		-13,336,076,754	-1,486,862,057
22	2.Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các t.sản D/hạn khác		0	1,099,637,000
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		0	500,000,000
25	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-63,335,159,500	0
26	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15,343,176,325	0
27	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10,411,894,623	11,196,327,379
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(50,916,165,306)	11,309,102,322
	III.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ p.hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		0	3,000,000,000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành		0	0
33	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		0	0
34	4.Tiền chi trả nợ gốc vay		0	0
36	6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-984,000	-3,728,001
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-984,000	2,996,271,999
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(86,829,121,404)	15,909,701,221
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		473,866,709,354	668,840,026,301
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.01	387,037,587,950	684,749,727,522

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2010
Người Lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 01 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2010	Quý 01 Năm 2009
-------	----------	-------------	-----------------	-----------------

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cấp và Vật liệu Viễn thông, tên giao dịch đối ngoại viết tắt là SACOM, (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo theo quyết định số 955/1997/QĐ – TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ Tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ – TCCB ngày 7 tháng 2 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy đăng ký kinh doanh số cũ 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998 và thay đổi lần 9 vào ngày 09 tháng 12 năm 2009 theo Mã số doanh nghiệp : 3600253537 .

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh lần 9 là: 654.000.000.000 đồng.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại số 152/11B đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh; Các xưởng của Công ty: nhà xưởng (1) đặt tại Khu công nghiệp Biên Hoà I, phường An Bình, Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và nhà xưởng (2) đặt tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương và nhà xưởng (3) đặt tại Lô A1-5+6a, đường số 4,KCN Long thành, xã Tam an, huyện Long thành, tỉnh Đồng Nai ; Chi nhánh tại Hà Nội: số 20 Trần Trần Quốc Toản, phường Hàng Bài, quận Hoàn kiếm, Tp Hà Nội.

Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch chứng khoán: SAM

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố biên hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các công ty con hợp nhất:

<u>Tên công ty</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cp Địa Ốc Sacom	Kinh doanh bất động sản...	55.00%

Các công ty liên doanh, liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

<u>Tên công ty</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Liên doanh cấp Taihan-Sacom	Sản xuất các loại cáp nhôm, cáp viễn thông, cáp quan	30.00%
Công ty CP Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	Sản xuất, mua bán các loại bobin...	35.43%
Công ty CP Nhựa Sam Phú	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa...	25.10%
Công ty CP Cấp Sài gòn	Sản xuất các loại cáp, vật liệu viễn thông...	31.14%
Công ty CP Vật liệu điện và Viễn thông Sam cường	Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn tho	30.00%
Công ty CP khu công nghiệp Hải Phòng	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.	20.00%
Công ty CP Bất động sản Hiệp Phú	Kinh doanh bất động sản...	40.00%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại, xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản.
 - Kinh doanh sân golf
 - Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con :

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các công ty liên doanh, liên kết:



Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định được trích theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 05 đến 10 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 05 đến 10 năm
- Phương tiện vận tải	từ 04 đến 08 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 03 đến 05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty dừng trích khấu hao cho bất động sản đầu tư từ năm 2008 theo biên bản kiểm toán nhà nước tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai ngày 28 tháng 08 năm 2008

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán, các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua chứng khoán đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tính theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

-Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng VN

01. Tiền	31.03.2010	01.01.2010
Tiền mặt	514,674,618	107,548,196
Tiền gửi ngân hàng	386,312,913,332	468,358,541,069
Các khoản tương đương tiền (*)	-	5,190,620,094
Cộng	386,827,587,950	473,656,709,359

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều kiện rút gốc linh hoạt

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.03.2010	01.01.2010
+ Tiền gửi có kỳ hạn	210,000,000	210,000,000
Cộng	210,000,000	210,000,000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.03.2010	01.01.2010
- Phải thu khách hàng (a)	251,296,539,137	166,820,949,698
- Trả trước cho người bán (b)	52,054,079,940	67,483,194,512
- Các khoản phải thu khác (c)	16,207,916,721	7,091,951,950
- Dự phòng phải thu khó đòi	(3,348,419,798)	(3,348,419,798)
Cộng	316,210,116,000	238,047,676,362

(a) Các khoản phải thu của khách hàng : Chủ yếu là khoản tiền bán cáp cho các Bưu điện, các công ty thuộc ngành bưu điện trong cả nước.

(b) Trả trước cho người bán: chủ yếu là tiền ứng trước cho dự án Resort Đà Lạt, Giai việt và tiền mua vật tư.

(c) Các khoản phải thu khác: chủ yếu là lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng.

Ghi chú: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định của Bộ tài chính tại Thông tư số 228/2009TT-BTC ngày 07.12.2009

04. Hàng tồn kho	31.03.2010	01.01.2010
- Hàng mua đang đi đường	-	75,884,994,180
- Nguyên liệu, vật liệu	210,411,998,591	254,801,034,907
- Công cụ, dụng cụ	1,174,585,455	1,164,780,520
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71,234,343,940	66,995,509,257
- Thành phẩm	61,658,320,324	64,297,843,649
- Hàng hoá	2,052,471,688	1,051,891,132
Cộng giá gốc hàng tồn kho	346,531,719,998	464,196,053,645
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-5,261,520,550	-5,261,520,550
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	341,270,199,448	458,934,533,095


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

Đơn vị tính: VND

05. Tài sản ngắn hạn khác	31.03.2010	01.01.2010
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	659,731,929	580,105,765
b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30,473,584,786	25,978,049,034
c) Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	1,642,760,366
d) Tài sản ngắn hạn khác	2,158,951,731	1,537,822,728
- Tạm ứng	1,855,558,640	1,280,255,128
- Ký quỹ, ký cược	303,393,091	257,567,600
Cộng	33,292,268,446	29,738,737,893

06. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư tại ngày 01.01.2010	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
- Mua sắm mới	-	-	-
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại ngày 31.03.2010	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01.01.2010	1,774,378,787	578,654,500	2,353,033,287
- Khấu hao trong kỳ	54,752,967	85,891,524	140,644,491
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại ngày 31.03.2010	1,829,131,754	664,546,024	2,493,677,778
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
Số dư tại ngày 01.01.2010	10,460,505,191	1,603,201,700	12,063,706,891
Số dư tại ngày 31.03.2010	10,405,752,224	1,517,310,176	11,923,062,400


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010
07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01.01.2010	43,772,966,344	291,832,397,812	13,367,846,323	3,516,788,838	352,489,999,317
- Mua sắm mới			64,650,000		64,650,000
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư tại ngày 31.03.2010	43,772,966,344	291,832,397,812	13,432,496,323	3,516,788,838	352,554,649,317
II. Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư tại ngày 01.01.2010	24,837,958,336	215,544,238,271	8,222,543,956	2,802,574,890	251,407,315,453
- Khấu hao trong kỳ	696,544,659	3,196,663,604	352,811,526	234,867,361	4,480,887,150
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư tại ngày 31.03.2010	25,534,502,995	218,740,901,875	8,575,355,482	3,037,442,251	255,888,202,603
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01.01.2010	18,935,008,008	76,288,159,541	5,145,302,367	714,213,948	101,082,683,864
Số dư tại ngày 31.03.2010	18,238,463,349	73,091,495,937	4,857,140,841	479,346,587	96,666,446,714


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.03.2010	01.01.2010
- Dự án XD cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	59,286,243,300	59,286,243,300
- Dự án Resort Đà Lạt	24,315,287,908	24,076,225,910
- Chi phí mua nhà xưởng Sam thịnh	45,000,000,000	45,000,000,000
- Chi phí mua căn hộ dự án Giai việt	132,556,925,000	132,556,925,000
- Chi phí mua căn hộ dự án Hoàng anh gia lai	79,035,400,500	32,942,983,500
- Chi phí XD CB khác	1,823,350,591	1,070,789,922
Cộng	342,017,207,299	294,933,167,632

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01.01.2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31.03.2010
I- Nguyên giá				
1. Quyền sử dụng đất	11,211,821,819	-	-	11,211,821,819
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Quyền sử dụng đất	1,113,364,000	-	-	1,113,364,000
III. Giá trị còn lại				
1. Quyền sử dụng đất	10,098,457,819	-	-	10,098,457,819

Quyền sử dụng 65.492 m2 đất (nguồn gốc từ đất nông nghiệp) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào tháng 12/2003, thời hạn sử dụng đất này từ 44-50 năm. Đã có ý kiến của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thoả thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch. Công ty không trích khấu hao theo biên bản kiểm toán Nhà nước tại Cục thuế Tỉnh Đồng nai ngày 26/8/2008.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31.03.2010	01.01.2010
- Đầu tư vào công ty liên kết	460,664,460,012	424,921,101,148
- Đầu tư dài hạn khác:	543,390,477,913	549,294,197,979
- Dự phòng đầu tư tài chính:	-31,586,560,000	-41,499,083,979
Cộng	972,468,377,925	932,716,215,148


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

HỢP NHẤT ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN ĐẾN 31/03/2010
Đơn vị tính: VND

Phân loại đầu tư tài chính	31/03/2010	01/01/2010	Ghi chú
Đầu tư vào công ty con	-	-	Đã hợp nhất
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	460,664,460,012	424,921,101,148	Chi tiết dưới đây (*)
Đầu tư dài hạn khác	543,390,477,913	549,294,197,979	
- Quỹ Đầu tư Prudential	2,060,000,000	2,060,000,000	
- Cty CP Du lịch Bưu Điện	3,000,000,000	3,000,000,000	
- Cty CP Saicom	500,000,000	500,000,000	
- Cty XL&DV Khánh Hòa	613,548,000	613,548,000	
- Cty CP ALPHANAM	41,146,000,000	41,146,000,000	
- Cty CP MOMOTA	13,500,000,000	13,500,000,000	
- Cty CP Hòa Phát	160,112,294,413	160,112,294,413	
- Cty CP Thăng Long	12,828,000,000	12,828,000,000	
- Cty TNHH Thăng Long	9,630,635,500	8,935,476,000	
- Cty CP CK phố WALL	20,000,000,000	20,000,000,000	
- Quỹ tằm nhìn SSI	280,000,000,000	280,000,000,000	
- Pacific Communication Campuchia	0	6,598,879,566	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(31,586,560,000)	(41,499,083,979)	
Cộng	972,468,377,925	932,716,215,148	

(*)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	31/03/2010		01/01/2010	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
- Cty LD TaiHan-Sacom	30.00%	115,774,567,517	30.00%	117,443,112,978
- Cty CP Sam Thịnh (**)	0.00%	0	35.43%	15,044,538,671
- Cty CP Sam Phú	25.10%	9,508,225,873	25.10%	9,692,794,837
- Cty CP Cấp Sài Gòn	31.14%	152,900,227,409	31.14%	160,995,029,119
- Cty CP Sam Cường	30.00%	8,903,459,492	30.00%	8,887,138,098
- Cty CP Khu CN Hải phòng	20.00%	2,000,000,000	20.00%	2,000,000,000
- Cty CP bất động sản Hiệp phú	40.00%	171,577,979,722	40.00%	110,858,487,445
Tổng cộng		460,664,460,012		424,921,101,148

(**) Cty CP Sam Thịnh giải thể , trong quý 1/2010 Công ty đã thu hồi khoản đầu tư bằng tiền là : 9.820 đ/ cổ phiếu


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	31.03.2010	01.01.2010
11. Tài sản dài hạn khác		
- Chi phí phục vụ các dự án Resort Đà Lạt, cao ốc Văn phòng	6,880,746,864	6,047,296,223
- Ký quỹ cho UBND tỉnh Lâm đồng để thực hiện dự án Resort Đà Lạt, thuê sàn bất động sản	110,090,000,000	110,090,000,000
Cộng	116,970,746,864	6,047,296,223
12. Vay và nợ ngắn hạn	31.03.2010	01.01.2009
Cộng	-	-
13. Phải trả người bán và người mua trả trước	31.03.2010	01.01.2009
- Phải trả người bán (*)	26,949,718,590	100,923,309,799
- Người mua trả trước	11,817,584,413	3,002,121,500
Cộng	38,767,303,003	103,925,431,299
(*) Phải trả người bán: Chủ yếu là nợ tiền mua vật tư chưa đến hạn thanh toán với các nhà cung cấp		
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31.03.2010	01.01.2009
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2,757,924,830	169,249,828
- Thuế giá trị gia tăng hàng NK	1,254,250,467	2,425,307,038
- Thuế nhập khẩu	173,746,277	154,903,035
- Thuế thu nhập cá nhân	2,778,996,600	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,869,499,801	28,080,323,933
Cộng	41,834,417,975	30,829,783,834
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31.03.2010	01.01.2009
- Bảo hiểm xã hội	28,194,460	653,024,283
- Kinh phí công đoàn	508,256,737	26,667,705
- Cổ tức phải trả	1,249,626,992	1,250,610,992
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	33,300,280,222	31,319,807,037
Cộng	35,086,358,411	33,250,110,017

(*): Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác: chủ yếu là tiền góp vốn vào XN Cấp quang của Công ty cổ phần cấp Sài Gòn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/07/HTKD/SACOM-SCC và tiền ký quỹ, ...


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010
17. Vốn chủ sở hữu
17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển & quỹ khác	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Cổ phiếu quỹ	Cộng
Số dư 01.01.2010	654,000,000,000	1,571,606,720,534	102,422,688,753	43,103,048,038	125,272,791,171	(34,537,216,591)	2,461,868,031,905
- Tăng vốn							-
- Lợi nhuận tăng trong quý 01/2010					37,929,128,723		37,929,128,723
- Phân phối các quỹ				-			-
- Tăng giảm đầu tư vào LDLK		-			(11,508,945,087)		(11,508,945,087)
- Chia cổ tức							-
- Giảm khác			-		-63,777,760	-	(63,777,760)
Số dư 31.03.2010	654,000,000,000	1,571,606,720,534	102,422,688,753	43,103,048,038	151,629,197,047	-34,537,216,591	2,488,224,437,781


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Đơn vị tính: VND
17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31.03.2010		01.01.2010	
	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường
- Vốn đầu tư của nhà nước	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000
- Vốn góp cổ đông khác	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000
- Thặng dư vốn cổ phần	1,571,606,720,534	1,563,030,722,378	1,571,606,720,534	1,563,030,722,378
Cộng	2,225,606,720,534	2,217,030,722,378	2,225,606,720,534	2,217,030,722,378

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm : không

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31.03.2010	01.01.2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	654,000,000,000	654,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>654,000,000,000</u>	<u>654,000,000,000</u>

17.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không

17.5. Cổ phiếu

	31.03.2010	01.01.2010
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	65,400,000	65,400,000
+ Cổ phiếu thường	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	1,200,000	1,200,000
+ Cổ phiếu thường	1,200,000	1,200,000
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	64,200,000	64,200,000
+ Cổ phiếu thường	64,200,000	64,200,000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ / 01 cổ phần

17.6. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

- Bù đắp những khoản tổn thất thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh doanh;
- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh;
- Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật;
- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 35122919

Đơn vị tính: VND

- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên trong doanh nghiệp.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo qui định hiện hành;
- Phát triển, mở rộng kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hoá	225,021,903,676	27,862,663,186
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	421,778,053	979,786,313
Cộng	225,443,681,729	28,842,449,499
19. Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
- Hàng bán trả lại & giảm giá hàng bán	30,432,625	-
Cộng	30,432,625	-
20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
- Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hoá	224,991,471,051	27,862,663,186
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	421,778,053	979,786,313
Cộng	225,413,249,104	28,842,449,499
21. Giá vốn hàng bán	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
- Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã cung cấp	181,699,794,370	29,531,195,270
Cộng	181,699,794,370	29,531,195,270
22. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11,073,180,156	16,940,331,858
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5,815,892,144
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá	477,184,144	558,842,630
Cộng	11,550,364,300	23,315,066,632
23. Chi phí tài chính	<u>Quý 01 Năm 2010</u>	<u>Quý 01 Năm 2009</u>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	252,973,336	220,165,601
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(4,073,510,788)	5,741,740,000
Cộng	(3,820,537,452)	5,961,905,601


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Đơn vị tính: VND

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)

Cộng
Quý 01 Năm 2010
Quý 01 Năm 2009

6,789,175,868

-

6,789,175,868

-

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

33,402,388,742

12,988,295,109

- Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong thời gian 5 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2004 đến ngày 31/12/2008, với thuế suất thuế TNDN là 15%.

- Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 2 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2010.

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

119,652,609,563

13,042,196,330

- Chi phí nhân công

8,554,272,688

2,784,194,319

- Chi phí khấu hao tài sản cố định

4,621,531,641

4,482,605,928

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

6,130,975,602

2,198,156,743

- Chi phí khác

3,498,939,074

1,404,341,548

Cộng
142,458,328,568
23,911,494,868
VII. Thông tin khác
1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quý 1 năm 2010, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty liên doanh cấp Taihan-Sacom	Công ty liên doanh	Bán hàng	126,797,140
Công ty CP cấp Sài Gòn	Công ty liên kết	Bán hàng	7,498,898,000
		Mua hàng	5,792,123,400
Công ty CP Vật liệu điện viễn thông Sam cường	Công ty liên kết	Bán hàng	2,157,911,910
		Mua hàng	421,255,340

Cho đến ngày 31.03.2010, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các khoản phải thu thương mại:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2010 (VNĐ)
Công ty liên doanh cấp Taihan-Sacom	Công ty liên doanh	21,688,431
Công ty CP cấp Sài Gòn	Công ty liên kết	6,698,898,000
Công ty CP Vật liệu điện viễn thông Sam cường	Công ty liên kết	2,654,917,361
Công ty CP Nhựa Sam phú	Công ty liên kết	113,058,084



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2010

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 35122919

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải trả thương mại:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2010 (VNĐ)
Công ty CP cấp Sài Gòn	Công ty liên kết	5,792,123,400
Công ty CP Vật liệu điện viễn thông Sam cường	Công ty liên kết	124,109,975

Các khoản phải thu khác:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2010 (VNĐ)
Công ty liên doanh cấp Taihan-Sacom	Công ty liên doanh	7,344,956,717
Công ty CP Nhựa Sam phú	Công ty liên doanh	959,703,548

Các khoản phải trả khác:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2010 (VNĐ)
Công ty CP cấp Sài Gòn	Công ty liên kết	30,000,000,000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Số liệu này được phân loại lại vào ngày 31.03.2010 của báo cáo tài chính quý 1 năm 2010 cho phù hợp theo qui định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 .

Chỉ tiêu	Mã số 31/12/2009	Mã số 01/01/2010 trình bày lại	Chênh lệch
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	323	0

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2010

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

CÁC BÚT TOÁN ĐÃ ĐIỀU CHỈNH SAU KIỂM TOÁN NĂM 2009 (ĐƯA VÀO BC KIỂM TOÁN)

* BC riêng đến 31/12/2009 (Lưu ý số đầu năm)

STT	Nội dung nghiệp vụ	Đ/C trên bảng CĐKT			Ảnh hưởng đến KQHĐKD			Ghi chú	Ý kiến khách hàng	
		TK No	TK Co	Số tiền	Chỉ tiêu	TK	Tăng (giảm)		Nội dung	Ngày
1	Tăng khoản mục hàng đang đi đường , tăng khoản mục phải trả người bán	151	331	75,884,994,180						
2	Giảm khoản mục phải trả người bán (SACOMLAND) đối với số dư TK 3311, tăng khoản mục phải trả khác TK 3388	331	3388	53,630,000,000						
							-			

* BC Hợp nhất đến 31/03/2010

STT	Nội dung nghiệp vụ	Đ/C trên BCĐKT			Ảnh hưởng đến KQKD		
		TK No	TK Co	Số tiền	Chỉ tiêu	TK	Tăng (giảm)
1	Giảm đầu tư vào công ty con, giảm vốn chủ sở hữu	411		110,000,000,000			
			221	110,000,000,000			
2	Loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số	411		11,000,000,000			
	(45% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên B.CĐKT)	421		576,487,624			
		LICĐTS		11,576,487,624			
3	Lợi ích cổ đông thiểu số trên KQKD				LICĐTS		-
	(45% lợi nhuận sau thuế TNDN trên BC.KQKD)						
4	Điều chỉnh giảm doanh thu và giá vốn nội bộ				DTBH	511	(52,076,425)